

Năm Reiwa thứ 7
(Tháng 4 năm 2025~Tháng 3 năm 2026)

Thông tin chăm sóc sức
khỏe cũng có thể xem được
trên trang chủ của thành
phố UEDA!

Thông tin chăm sóc sức khỏe

(Các thông báo và lịch tiêm phòng, khám sức khỏe, lớp học
dành cho trẻ em từ 0 ~ 3 tuổi do thành phố UEDA thực hiện.)



Phòng nâng cao sức khỏe thành phố Ueda
Trung tâm bảo vệ sức khỏe Hitomachi Genki
Kenko plaza Ueda
Mã vùng (0268)
23-8244/28—7123/28-7124
Trung tâm bảo vệ sức khỏe Maruko 42—1117
Trung tâm bảo vệ sức khỏe Sanada 72—9007
Trung tâm bảo vệ sức khỏe Takeishi 85—2067

Hỗ trợ toàn diện từ khi mang thai, sinh con,
tới khi chăm sóc trẻ em

UEDAKKO



smart
wellness
city

Hướng tới một thành phố khỏe mạnh và hạnh phúc

Dự án xây dựng sức khỏe và hạnh phúc
~Khỏe mạnh để càng nhiều năng lượng hơn~

Thành phố Ueda

【Yêu cầu về lớp học và khám sức khỏe trẻ sơ sinh】

① **Hãy tham gia việc kiểm tra sức khỏe trẻ sơ sinh và các lớp học mà khu vực bạn đang sống tổ chức**
Các lớp học và kiểm tra sức khỏe được tổ chức ở 3 địa điểm trong thành phố. Vui lòng tham khảo ngày tháng ở từng trang.

【Khu vực Ueda】 Xem trang 2

Hội trường: Trung tâm bảo vệ sức khỏe
Hitomachi Genki Kenko plaza Ueda
Phòng khám sức khỏe tầng 1

【Khu vực Maruko, Takeishi】 Xem trang 3

Hội trường: Trung tâm bảo vệ sức khỏe Maruko
Maruko hoken center

【Khu vực Sanada】 Xem trang 4

Hội trường: Trung tâm bảo vệ sức khỏe
Takeishi Takeishi hoken center

② **Ngày và giờ kiểm tra sức khỏe sẽ được thông báo riêng.**

Lịch khám (thời gian mở quầy làm thủ tục) sẽ được thông báo riêng từ 1 ~ 2 tháng trước khi tới khám sức khỏe. Thông tin về kiểm tra sức khỏe cũng được đăng trên trang web của thành phố Ueda. Nếu bạn có bất kỳ thắc mắc nào, vui lòng liên hệ với chúng tôi.

③ **Vui lòng tới khi cả trẻ em và phụ huynh hoặc người giám hộ đều khỏe mạnh.**

Nếu có các triệu chứng như sốt, ho, sổ mũi, nôn mửa, hoặc tiêu chảy và ngày kiểm tra sức khỏe hoặc ngày học, thì vui lòng đợi đến khi bạn khỏe mạnh rồi hãy tới.

④ **Trường hợp nếu không thể tới vào ngày khám sức khỏe mà bạn thuộc đối tượng cần khám, thì hãy liên lạc với trung tâm bảo vệ sức khỏe nơi bạn đang sống.**

Trường hợp không thấy bạn tới vào ngày kiểm tra sức khỏe, nếu bạn không liên lạc, chúng tôi sẽ gọi điện cho bạn.



⑤ **Vui lòng không ăn uống tại hội trường kiểm tra sức khỏe.**

Vui lòng không ăn uống bất cứ thứ gì ngoài sữa mẹ hoặc nước (nước lọc, trà) tại hội trường kiểm tra sức khỏe. Bởi vì hãy nghĩ tới việc những trẻ khác có thể đòi ăn, hoặc bị dị ứng với những loại thức ăn đó.

【THÔNG TIN TƯ VẤN SỨC KHỎE】

Tại mỗi khu vực, các chuyên gia sẽ đo chiều cao và cân nặng của trẻ, tư vấn chăm sóc trẻ em,

Tư vấn sức khỏe, đo huyết áp và chế độ ăn uống cho người lớn.

Đừng ngần ngại mà hãy tới bất kỳ hội trường nào cũng được.

◆ Chúng tôi thực hiện cả tư vấn trực tuyến online.
Vui lòng sử dụng chúng.



Địa điểm tổ chức	Số điện thoại liên hệ	Lịch trình tổ chức
Trung tâm bảo vệ sức khỏe Hitomachi Genki Kenko plaza Ueda (phòng tư vấn sức khỏe)	0268-23-8244	Từ thứ 2 đến thứ 6 Sáng từ 9 giờ ~ 11 giờ 30 phút. Chiều từ 1 giờ ~ 4 giờ
Trung tâm tự trị khu vực Shioda Chiiki Jichi center (nhà văn hóa Shioda kominkan)		Thứ hai của tuần đầu và tuần thứ 3 hàng tháng Sáng từ 9 giờ 30 phút ~ 11 giờ
Trung tâm tự trị khu vực Kawanishi Chiiki Jichi center (nhà văn hóa Kawanishi kominkan)		Thứ năm của tuần đầu và tuần thứ 3 hàng tháng Sáng từ 9 giờ 30 phút ~ 11 giờ
Trung tâm bảo vệ sức khỏe Maruko Maruko hoken center	0268-42-1117	Mỗi tháng 2 lần vào buổi sáng, phải đặt lịch hẹn trước ※ Cụ thể vui lòng xem trang 3 "tư vấn sức khỏe"
Trung tâm bảo vệ sức khỏe Sanada Sanada hoken center	0268-72-9007	Mỗi tháng 1 lần vào buổi sáng, phải đặt lịch hẹn trước ※ Cụ thể vui lòng xem trang 4 "tư vấn sức khỏe"
Trung tâm bảo vệ sức khỏe Takeishi Takeishi hoken center	0268-85-2067	Lúc nào cũng được ※ Vui lòng gọi điện trước khi tới.

※Nghỉ vào các ngày thứ 7 chủ nhật, ngày lịch đỏ, đầu năm cuối năm (29/12~3/1)



【Dành cho người cư trú tại Ueda】 Thông báo về lớp học và khám sức khỏe trẻ sơ sinh

Hội trường: Trung tâm bảo vệ sức khỏe Hitomachi Genki Kenko plaza Ueda ✕ Riêng Khám sức khỏe 10 tháng tuổi tại Cơ sở y tế tư nhân

Khám sức khỏe trẻ sơ sinh

Khám sức khỏe 4 tháng tuổi, 1 tuổi 6 tháng, 3 tuổi

- ① Lịch khám cho trẻ 4 tháng, 1 tuổi 6 tháng, 3 tuổi tại khu vực Ueda sẽ được thông báo riêng tới từng nhà từ 1 ~ 2 tháng trước khi tới ngày khám sức khỏe. Trường hợp khê tới vào ngày đó, chúng tôi sẽ sắp xếp ngày khác, nên hãy liên lạc tới Trung tâm bảo vệ sức khỏe Hitomachi Genki Kenko plaza Ueda, số điện thoại 0268-23-8244.
【Đối tượng trong độ tuổi】 Kiểm tra sức khỏe trẻ 4 tháng tuổi: khoảng 4 tháng ~ 5 tháng tuổi
 Kiểm tra sức khỏe trẻ 1 tuổi 6 tháng: khoảng 1 tuổi 6 tháng ~ 1 tuổi 7 tháng tuổi Kiểm tra sức khỏe trẻ 3 tuổi: khoảng 3 tuổi ~ 3 tuổi 1 tháng tuổi
- ② Hội trường khám sức khỏe trẻ sơ sinh tại khu vực Ueda: Trung tâm bảo vệ sức khỏe Hitomachi Genki Kenko plaza Ueda Phòng khám sức khỏe tầng 1

Khám sức khỏe 10 tháng tuổi cá nhân	
●Đồ cần mang theo ①Sổ mẹ và bé ②Phiếu khám sức khỏe (dùng cho khu vực Ueda) ③Khăn tắm loại to ④Bỉm sạch ⑤Thẻ bảo hiểm hoặc thẻ xác nhận tư cách, phúc lợi y tế (Cần sử dụng trong trường hợp trị liệu, kiểm tra ngoài việc khám sức khỏe)	
Khám sức khỏe vào tháng được chỉ định (Khám tại các cơ sở y tế tư nhân được ủy thác ghi bên cạnh)	
Tháng khám	Đối tượng (Ngày tháng năm sinh)
Tháng 4	16/5/2024~15/6/2024
Tháng 5	16/6/2024~15/7/2024
Tháng 6	16/7/2024~15/8/2024
Tháng 7	16/8/2024~15/9/2024
Tháng 8	16/9/2024~15/10/2024
Tháng 9	16/10/2024~15/11/2024
Tháng 10	16/11/2024~15/12/2024
Tháng 11	16/12/2024~15/1/2025
Tháng 12	16/1/2025~15/2/2025
Tháng 1	16/2/2025~15/3/2025
Tháng 2	16/3/2025~15/4/2025
Tháng 3	16/4/2025~15/5/2025

Cơ sở y tế tư nhân ủy thác khám sức khỏe 10 tháng tuổi * Nơi nào cũng bắt buộc phải đặt lịch hẹn trước			
・Hãy chắc chắn gọi điện tới các cơ sở y tế để đặt lịch hẹn trước. Nếu không thể tới đúng hẹn, hãy chắc chắn gọi điện báo hủy. ・Việc khám sức khỏe sẽ mất một khoảng thời gian. Trong lúc khám có thể phải đợi. Nên hãy vui lòng dành nhiều thời gian để tới. ・Vui lòng dẫn theo cả người hàng ngày chăm sóc trẻ. ・Vui lòng dẫn theo cả người biết tiếng Nhật			
(Sắp xếp theo bảng chữ cái)			
Cơ sở y tế tư nhân ủy thác	Địa điểm	Số điện thoại (0268)	Ngày nhận khám
上田原レディース&マタニティ Phòng khám sản phụ khoa Uedahara ladies & Matanitic	Ueda Hara 455-1	26-3511	Thứ 3, 4, 6, 7, chủ nhật 9 giờ sáng
上田病院 Bệnh viện Ueda 甲田クリニック Phòng khám Kouda	Chuuo 1-3-3	22-3580	Thứ 2 Chiều 1 giờ~2 giờ, Thứ tư chiều 2 giờ 30~3 giờ 30
坂の丘こどもクリニック Phòng khám trẻ em Sakura no ささき小児科医院 Y viện nhi khoa Sasaki	Kojima 699-1	71-6171	Thứ 3, 5, 6 Chiều 2 giờ ~2 giờ 30 (có thể thay đổi)
杉山クリニック Phòng khám Sugiyama 高坂内科小児科医院 Y viện nhi khoa nội khoa Myasaka	Chuuo Kita 1-2-5	26-8200	Thứ 2 Chiều 3 giờ ~ 4 giờ (có thể thay đổi)
村上医院 Y viện Murakami 山田内科医院 Y viện nội khoa Yamada	Tsuneta 2-5-3	22-0759	Thứ 3, 5, 6 Chiều 2 giờ (có thể thay đổi)
吉田こども医院 Y viện trẻ em Yoshida	Oote 1-2-6	22-3740	Thứ 2 ~ thứ 6 Sáng 9 giờ ~ 11 giờ 30 (có thể thay đổi)
	Shimonogoo 351-1	26-8181	Thứ 2, 3, 4, 6 chiều 2 giờ 30 ~ (1 ngày 1 người)
	Tokiiri 1-7-97	24-1222	Sáng nhận lễ tân tới 11 giờ, chiều tới 5 giờ (nghỉ khám vào thứ 5, thứ 6)

Ngoài những ngày được liệt kê ở trên, chúng tôi còn cung cấp dịch vụ tư vấn riêng với y tá y tế công cộng, chuyên gia dinh dưỡng, chuyên gia vệ sinh răng miệng, v.v... Để biết thêm thông tin chi tiết vui lòng xem trang 1.



Kiểm tra sức khỏe răng miệng trẻ 2 tuổi

Đây là buổi kiểm tra sức khỏe cá nhân tại phòng khám nha khoa được chỉ định trong thành phố.
 Một thông báo riêng sẽ được gửi khi bé được 2 tuổi tới 2 tuổi 3 tháng.
 Vui lòng mang theo mẫu phiếu khám sức khỏe răng miệng được chỉ định kèm theo khi đến khám (màu cam nhạt).

Lớp học

Lớp học trẻ 7 tháng tuổi

●Thời gian tổ chức

Lễ tân 9 giờ 20 phút~ khai mạc 9 giờ 45 phút~

Vui lòng đặt lịch hẹn trước qua LINE, Web hoặc gọi điện thoại

Số điện thoại gọi hẹn lịch: 0268-23-8244

Hẹn qua LINE

Hẹn qua Web

●Đồ cần mang theo

①Sổ mẹ và bé ②Phiếu hỏi trả lời 1 tờ ③Sổ ghi chú trẻ em kodomo note

④Khăn tắm loại to ⑤Bỉm sạch ⑥Địu

Đối tượng	Trẻ em khoảng 7 tháng tuổi		
Nội dung	Đo cân nặng chiều cao, nói chuyện về phát triển 7 tháng tuổi, đánh răng. Nói chuyện về ăn dặm ngày 2 bữa và ăn thử, tư vấn cá nhân		
Ngày	Đối tượng (Ngày tháng năm sinh)	Ngày	Đối tượng (Ngày tháng năm sinh)
16/4 (thứ 4)	1/9~15/9/2024	30/4 (thứ 4)	16/9~30/9/2024
13/5 (thứ 3)	1/10~15/10/2024	29/5 (thứ 5)	16/10~31/10/2024
10/6 (thứ 3)	1/11~15/11/2024	26/6 (thứ 5)	16/11~30/11/2024
8/7 (thứ 3)	1/12~15/12/2024	24/7 (thứ 5)	16/12~31/12/2024
5/8 (thứ 3)	1/1~15/1/2025	28/8 (thứ 5)	16/1~31/1/2025
10/9 (thứ 4)	1/2~15/2/2025	25/9 (thứ 5)	16/2~28/2/2025
9/10 (thứ 5)	1/3~15/3/2025	30/10 (thứ 5)	16/3~31/3/2025
11/11 (thứ 3)	1/4~15/4/2025	27/11 (thứ 5)	16/4~30/4/2025
11/12 (thứ 5)	1/5~15/5/2025	17/12 (thứ 4)	16/5~31/5/2025
15/1 (thứ 5)	1/6~15/6/2025	29/1 (thứ 5)	16/6~30/6/2025
10/2 (thứ 3)	1/7~15/7/2025	26/2 (thứ 5)	16/7~31/7/2025
12/3 (thứ 5)	1/8~15/8/2025	26/3 (thứ 5)	16/8~31/8/2025

Lớp học tròn tuổi otanjou

●Thời gian tổ chức

①Lễ tân 9 giờ 10 phút~ khai mạc 9 giờ 30 phút~

②Lễ tân 10 giờ 30 phút~ khai mạc 10 giờ 45 phút~

Vui lòng đặt lịch hẹn trước qua LINE, Web hoặc gọi điện thoại

Số điện thoại gọi hẹn lịch: 0268-23-8244

Hẹn qua LINE



Hẹn qua Web



●Đồ cần mang theo

①Sổ mẹ và bé ②Phiếu hỏi trả lời 1 tờ ③Khăn tắm loại to

④Bỉm sạch ⑤Cốc trẻ em ⑥Bàn chải đánh răng

Đối tượng	Trẻ em khoảng 1 tuổi		
Nội dung	Đo cân nặng chiều cao, nói chuyện về phát triển 1 tuổi, đánh răng. Nói chuyện về ăn dặm, tư vấn cá nhân		
Ngày	Đối tượng (Ngày tháng năm sinh)	Ngày	Đối tượng (Ngày tháng năm sinh)
9/4 (thứ 4)	1/3~15/3/2024	23/4 (thứ 4)	16/3~31/3/2024
14/5 (thứ 4)	1/4~15/4/2024	28/5 (thứ 4)	16/4~30/4/2024
11/6 (thứ 4)	1/5~15/5/2024	25/6 (thứ 4)	16/5~31/5/2024
15/7 (thứ 3)	1/6~15/6/2024	23/7 (thứ 4)	16/6~30/6/2024
19/8 (thứ 3)	1/7~15/7/2024	27/8 (thứ 4)	16/7~31/7/2024
3/9 (thứ 4)	1/8~15/8/2024	17/9 (thứ 4)	16/8~31/8/2024
7/10 (thứ 3)	1/9~15/9/2024	22/10 (thứ 4)	16/9~30/9/2024
12/11 (thứ 4)	1/10~15/10/2024	26/11 (thứ 4)	16/10~31/10/2024
10/12 (thứ 4)	1/11~15/11/2024	24/12 (thứ 4)	16/11~30/11/2024
14/1 (thứ 4)	1/12~15/12/2024	28/1 (thứ 4)	16/12~31/12/2024
4/2 (thứ 4)	1/1~15/1/2025	25/2 (thứ 4)	16/1~31/1/2025
11/3 (thứ 4)	1/2~15/2/2025	25/3 (thứ 4)	16/2~28/2/2025



【Dành cho người cư trú tại Maruko, Takeishi】Thông báo về lớp học và khám sức khỏe trẻ sơ sinh

Hội trường: Trung tâm bảo vệ sức khỏe Maruko hoken center

Khám sức khỏe trẻ sơ sinh

Khám sức khỏe 4 tháng tuổi

- Ngày giờ tổ chức Chiều các ngày khám
- Thời gian làm thủ tục Thông báo riêng sẽ được gửi trước khoảng 1 tháng
- Đồ cần mang theo
- ① Sổ mẹ và bé
- ② Phiếu khám 2 tờ
- ③ Sổ ghi chú trẻ em Kodomo note
- ④ Khăn tẩm loại to
- ⑤ Những đồ khác cần cho bé nhà bạn

Ngày	Đối tượng (Tháng năm sinh)
10/4 (thứ 5)	Tháng 11~12/2024
5/6 (thứ 5)	Tháng 1~2/2025
7/8 (thứ 5)	Tháng 3/2025
4/9 (thứ 5)	Tháng 4/2025
2/10 (thứ 5)	Tháng 5/2025
13/11 (thứ 5)	Tháng 6/2025
4/12 (thứ 5)	Tháng 7/2025
8/1 (thứ 5)	Tháng 8/2025
5/2 (thứ 5)	Tháng 9/2025
5/3 (thứ 5)	Tháng 10/2025

Khám sức khỏe 10 tháng tuổi

- Ngày giờ tổ chức Chiều các ngày khám
- Thời gian làm thủ tục Thông báo riêng sẽ được gửi trước khoảng 1 tháng
- Đồ cần mang theo
- ① Sổ mẹ và bé
- ② Phiếu khám (dùng cho khu vực Maruko, Sanada, Takeishi) 1 tờ
- ③ Sổ ghi chú trẻ em Kodomo note
- ④ Khăn tẩm loại to
- ⑤ Những đồ khác cần cho bé nhà bạn

Ngày	Đối tượng (Tháng năm sinh)
18/4 (thứ 6)	Tháng 5~6/2024
23/5 (thứ 6)	Tháng 7/2024
20/6 (thứ 6)	Tháng 8/2024
18/7 (thứ 6)	Tháng 9/2024
22/8 (thứ 6)	Tháng 10/2024
12/9 (thứ 6)	Tháng 11/2024
24/10 (thứ 6)	Tháng 12/2024~1/2025
23/1 (thứ 6)	Tháng 2~3/2025
19/3 (thứ 6)	Tháng 4/2025

Khám sức khỏe 1 tuổi 6 tháng

- Ngày giờ tổ chức Chiều các ngày khám
- Thời gian làm thủ tục Thông báo riêng sẽ được gửi trước khoảng 1 tháng
- Đồ cần mang theo
- ① Sổ mẹ và bé
- ② Phiếu khám 3 tờ
- ③ Sổ ghi chú trẻ em Kodomo note
- ④ Khăn tẩm loại to
- ⑤ Bàn chải đánh răng
- ⑥ Những đồ khác cần cho bé nhà bạn

Ngày	Đối tượng (Tháng năm sinh)
15/5 (thứ 5)	Tháng 9 ~ 10/2023
2/7 (thứ 4)	Tháng 11 ~ 12/2023
2/9 (thứ 3)	Tháng 1~2/2024
4/11 (thứ 3)	Tháng 3~4/2024
13/1 (thứ 3)	Tháng 5~6/2024
10/3 (thứ 3)	Tháng 7~8/2024

Khám sức khỏe 3 tuổi

- Ngày giờ tổ chức Chiều các ngày khám
- Thời gian làm thủ tục Thông báo riêng sẽ được gửi trước khoảng 1 tháng
- Đồ cần mang theo
- ① Sổ mẹ và bé
- ② Phiếu khám 3 tờ
- ③ Sổ ghi chú trẻ em Kodomo note
- ④ Khăn tẩm loại to
- ⑤ Dụng cụ đựng nước tiểu (gửi trước qua bưu điện, lấy nước tiểu hôm đi)
- ⑥ Những đồ khác cần cho bé nhà bạn
- *Hãy tự thực hiện kiểm tra tai và mắt tại nhà. (Có phiếu dùng cho việc kiểm tra này ở trong phiếu khám sức khỏe)

Ngày	Đối tượng (Tháng năm sinh)
4/4 (thứ 6)	Tháng 3/2022
6/6 (thứ 6)	Tháng 4 ~ 5/2022
1/8 (thứ 6)	1/6~15/7/2022
5/9 (thứ 6)	16/7~31/8/2022
7/11 (thứ 6)	1/9~15/10/2022
5/12 (thứ 6)	16/10~30/11/2022
6/3 (thứ 6)	12/2022~2/2023

Kiểm tra sức khỏe răng miệng trẻ 2 tuổi

Đây là buổi kiểm tra sức khỏe cá nhân tại phòng khám nha khoa được chỉ định trong thành phố.
Một thông báo riêng sẽ được gửi khi bé được 2 tuổi tới 2 tuổi 3 tháng.
Vui lòng mang theo mẫu phiếu khám sức khỏe răng miệng được chỉ định kèm theo khi đến khám (màu cam nhạt).

Lớp học

Lớp học trẻ 7 tháng tuổi

- Thời gian tổ chức Các lớp học buổi sáng
- Thời gian lễ tân 9:30~9:40
- Nội dung
- Đo cân nặng chiều cao, nói chuyện về phát triển 7 tháng tuổi, đánh răng.
- Nói chuyện về ăn dặm ngày 2 bữa và ăn thử, tư vấn cá nhân
- Đồ cần mang theo
- ① Sổ mẹ và bé
- ② Phiếu hỏi trả lời 1 tờ
- ③ Sổ ghi chú trẻ em kodomo note
- ④ Khăn tẩm loại to
- ⑤ Những đồ khác cần cho bé nhà bạn

Ngày	Đối tượng (Tháng năm sinh)
24/4 (thứ 5)	Tháng 9/2024
20/5 (thứ 3)	Tháng 10/2024
17/6 (thứ 3)	Tháng 11/2024
16/7 (thứ 4)	Tháng 12/2024
20/8 (thứ 4)	Tháng 1/2025
18/9 (thứ 5)	Tháng 2/2025
15/10 (thứ 4)	Tháng 3/2025
18/11 (thứ 3)	Tháng 4/2025
18/12 (thứ 5)	Tháng 5/2025
20/1 (thứ 3)	Tháng 6/2025
17/2 (thứ 3)	Tháng 7/2025
12/3 (thứ 5)	Tháng 8/2025

Lớp học tròn tuổi otanjou

- Thời gian tổ chức Các lớp học buổi sáng
- Thời gian lễ tân 9:30~9:40
- Nội dung
- Đo cân nặng chiều cao, nói chuyện về phát triển 1 tuổi, đánh răng.
- Nói chuyện về ăn dặm và ăn thử, tư vấn cá nhân
- Đồ cần mang theo
- ① Sổ mẹ và bé
- ② Phiếu hỏi trả lời 1 tờ
- ③ Sổ ghi chú trẻ em kodomo note
- ④ Khăn tẩm loại to
- ⑤ Những đồ khác cần cho bé nhà bạn

Ngày	Đối tượng (Tháng năm sinh)
25/4 (thứ 6)	Tháng 3~4/2024
18/6 (thứ 4)	Tháng 5/2024
17/7 (thứ 5)	Tháng 6/2024
21/8 (thứ 5)	Tháng 7/2024
19/9 (thứ 6)	Tháng 8/2024
16/10 (thứ 5)	Tháng 9/2024
19/11 (thứ 4)	Tháng 10/2024
19/12 (thứ 6)	Tháng 11/2024
21/1 (thứ 4)	Tháng 12/2024
18/2 (thứ 4)	Tháng 1/2025
13/3 (thứ 6)	Tháng 2/2025

Tư vấn

Tư vấn sức khỏe

Ngày tư vấn có hẹn trước

Hãy chắc chắn gọi điện tới trung tâm bảo vệ sức khỏe Maruko hoken center để đặt lịch (sdt: 42-1117)

- Thời gian tổ chức Các lớp học buổi sáng
- Thời gian lễ tân 9:00~11:30
- Nội dung
- Tư vấn riêng với y tá y tế công cộng, chuyên gia dinh dưỡng, chuyên gia vệ sinh răng miệng.
- * Tư vấn răng miệng chỉ tổ chức những ngày có gần đầy sao ★
- Đo cân nặng chiều cao v.v...
- Đồ cần mang theo
- ① Sổ mẹ và bé
- ② Khăn tẩm loại to
- ③ Những đồ khác cần cho bé nhà bạn

Tháng	Ngày
Tháng 4/2025	Ngày 8 (thứ 3) Ngày 22 (thứ 3) ★
Tháng 5	Ngày 7 (thứ 4) Ngày 22 (thứ 5) ★
Tháng 6	Ngày 3 (thứ 3) Ngày 19 (thứ 5) ★
Tháng 7	Ngày 1 (thứ 3) Ngày 24 (thứ 5) ★
Tháng 8	Ngày 5 (thứ 3) Ngày 19 (thứ 3) ★
Tháng 9	Ngày 9 (thứ 3) Ngày 25 (thứ 5) ★
Tháng 10	Ngày 14 (thứ 3) Ngày 30 (thứ 5) ★
Tháng 11	Ngày 11 (thứ 3) Ngày 25 (thứ 3) ★
Tháng 12	Ngày 9 (thứ 3) Ngày 23 (thứ 3) ★
Tháng 1/2026	Ngày 6 (thứ 3) Ngày 22 (thứ 5) ★
Tháng 2	Ngày 3 (thứ 3) Ngày 19 (thứ 5) ★
Tháng 3	Ngày 11 (thứ 3) Ngày 24 (thứ 3) ★

Ngoài lịch trình ghi trên, nếu có nguyện vọng tư vấn cá nhân với y tá y tế công cộng, chuyên gia dinh dưỡng v.v... thì hãy gọi điện tới trung tâm bảo vệ sức khỏe Maruko hoken center



【Dành cho người cư trú tại Sanada】Thông báo về lớp học và khám sức khỏe trẻ sơ sinh

Hội trường: Trung tâm bảo vệ sức khỏe Sanada hoken center (Chi bao gồm khám trẻ 4 tháng tuổi, lớp học cho trẻ 7 tháng tuổi) Trung tâm bảo vệ sức khỏe Hitomachi Genki Kenko plaza Ueda

Khám sức khỏe trẻ sơ sinh

Khám sức khỏe 4 tháng tuổi

- Ngày giờ tổ chức Chiều các ngày khám
- Thời gian làm thủ tục Thông báo riêng sẽ được gửi trước khoảng 1 tháng
- Đồ cần mang theo
- ① Sổ mẹ và bé
- ② Phiếu khám 2 tờ
- ③ Sổ ghi chú trẻ em Kodomo note
- ④ Khăn tắm loại to
- ⑤ Những đồ khác cần cho bé nhà bạn

Đối tượng trong độ tuổi khoảng 4 tháng ~ 5 tháng tuổi

* Hội trường: Trung tâm bảo vệ sức khỏe Hitomachi Genki Kenko plaza Ueda
Phòng khám sức khỏe tầng 1

Khám sức khỏe 10 tháng tuổi

- Ngày giờ tổ chức Chiều các ngày khám
- Thời gian làm thủ tục Thông báo riêng sẽ được gửi trước khoảng 1 tháng
- Đồ cần mang theo
- ① Sổ mẹ và bé
- ② Phiếu khám 1 tờ (dành cho khu vực Maruko, Sanada, Takeishi)
- ③ Sổ ghi chú trẻ em Kodomo note
- ④ Khăn tắm loại to
- ⑤ Những đồ khác cần cho bé nhà bạn

Ngày	Đối tượng (Tháng năm sinh)
23/5 (thứ 6)	Tháng 6~7/2024
18/7 (thứ 6)	Tháng 8~9/2024
12/9 (thứ 6)	Tháng 10~11/2024
25/11 (thứ 3)	Tháng 12/2024~1/2025
27/1 (thứ 3)	Tháng 2~3/2025
13/3 (thứ 6)	Tháng 4~5/2025

Khám sức khỏe 1 tuổi 6 tháng

- Ngày giờ tổ chức Chiều các ngày khám
- Thời gian làm thủ tục Thông báo riêng sẽ được gửi trước khoảng 1 tháng
- Đồ cần mang theo
- ① Sổ mẹ và bé
- ② Phiếu khám 3 tờ
- ③ Sổ ghi chú trẻ em Kodomo note
- ④ Khăn tắm loại to
- ⑤ Bàn chải đánh răng
- ⑥ Những đồ khác cần cho bé nhà bạn

日	Đối tượng (Tháng năm sinh)
23/5 (thứ 6)	Tháng 8~9/2023
18/7 (thứ 6)	Tháng 10~12/2023
12/9 (thứ 6)	Tháng 1~2/2024
25/11 (thứ 3)	Tháng 3~4/2024
27/1 (thứ 3)	Tháng 5~6/2024
13/3 (thứ 6)	Tháng 7~8/2024

Kiểm tra sức khỏe răng miệng trẻ 2 tuổi

Đây là buổi kiểm tra sức khỏe cá nhân tại phòng khám nha khoa được chỉ định trong thành phố. Một thông báo riêng sẽ được gửi khi bé được 2 tuổi tới 2 tuổi 3 tháng. Vui lòng mang theo mẫu phiếu khám sức khỏe răng miệng được chỉ định kèm theo khi đến khám (mẫu cam nhậ).

Khám sức khỏe 3 tuổi

- Ngày giờ tổ chức Chiều các ngày khám
 - Thời gian làm thủ tục Thông báo riêng sẽ được gửi trước khoảng 1 tháng
 - Đồ cần mang theo
 - ① Sổ mẹ và bé
 - ② Phiếu khám 3 tờ (chuẩn bị cùng với sổ tay em bé akachan techo)
 - ③ Sổ ghi chú trẻ em Kodomo note
 - ④ Khăn tắm loại to
 - ⑤ Dụng cụ đựng nước tiểu (gửi trước qua bưu điện, lấy nước tiểu hôm đó mang đi)
 - ⑥ Những đồ khác cần cho bé nhà bạn
- *Hãy tự thực hiện kiểm tra tai và mắt tại nhà. (Có phiếu dùng cho việc kiểm tra này ở trong phiếu khám sức khỏe)

Ngày	Đối tượng (Tháng năm sinh)
20/6 (thứ 6)	Tháng 3~5/2022
9/9 (thứ 3)	Tháng 6~8/2022
9/12 (thứ 3)	Tháng 9~11/2022
3/3 (thứ 3)	Tháng 12/2022~2/2023

Tư vấn

Tư vấn sức khỏe

- Thời gian lễ tân 9:30~11:00 ※không đặt lịch được
- Nội dung
- Đo cân nặng chiều cao, Tư vấn riêng với ý tá y tế công cộng, chuyên gia dinh dưỡng, chuyên gia vệ sinh răng miệng.
- * Tư vấn răng miệng chỉ tổ chức những ngày có gắn dấu sao *
- Đồ cần mang theo
- ① Sổ mẹ và bé
- ② Khăn tắm loại to
- ③ Những đồ khác cần cho bé nhà bạn

17/4 (thứ 5)	★
16/5 (thứ 6)	
24/6 (thứ 3)	★
10/7 (thứ 5)	
29/8 (thứ 6)	★
30/9 (thứ 3)	
28/10 (thứ 3)	★
28/11 (thứ 6)	
16/12 (thứ 3)	★
30/1 (thứ 6)	
27/2 (thứ 6)	★
10/3 (thứ 3)	

Ngoài lịch trình ghi trên, nếu có nguyện vọng tư vấn cá nhân với ý tá y tế công cộng, chuyên gia dinh dưỡng v.v... thì hãy gọi điện tới trung tâm bảo vệ sức khỏe Sanada hoken center



Lớp học

Lớp học trẻ 7 tháng tuổi

- Thời gian tổ chức
- Lễ tân 9 giờ 20 phút~ khai mạc 9 giờ 45 phút~
- Vui lòng đặt lịch hẹn trước qua LINE, Web hoặc gọi điện thoại

- Đồ cần mang
- ① Sổ mẹ và bé
- ② Phiếu hỏi trả lời 1 tờ
- ③ Sổ ghi chú trẻ em kodomo note
- ④ Khăn tắm loại to
- ⑤ Địu
- ⑥ Những đồ khác cần cho bé nhà bạn



Đối tượng	Trẻ em khoảng 7 tháng tuổi		
Nội dung	Đo cân nặng chiều cao, nói chuyện về phát triển 7 tháng tuổi, đánh răng. Nói chuyện về ăn dặm ngày 2 bữa và ăn thử, tư vấn cá nhân		
Hội trường	Trung tâm bảo vệ sức khỏe Hitomachi Genki Kenko plaza Ueda Phòng khám sức khỏe tầng 1		
Ngày	Đối tượng (Ngày tháng năm sinh)	Ngày	Đối tượng (Ngày tháng năm sinh)
16/4 (thứ 4)	1/9~15/9/2024	30/4 (thứ 4)	16/9~30/9/2024
13/5 (thứ 3)	1/10~15/10/2024	29/5 (thứ 5)	16/10~31/10/2024
10/6 (thứ 3)	1/11~15/11/2024	26/6 (thứ 5)	16/11~30/11/2024
8/7 (thứ 3)	1/12~15/12/2024	24/7 (thứ 5)	16/12~31/12/2024
5/8 (thứ 3)	1/1~15/1/2025	28/8 (thứ 5)	16/1~31/1/2025
10/9 (thứ 4)	1/2~15/2/2025	25/9 (thứ 5)	16/2~28/2/2025
9/10 (thứ 5)	1/3~15/3/2025	30/10 (thứ 5)	16/3~31/3/2025
11/11 (thứ 3)	1/4~15/4/2025	27/11 (thứ 5)	16/4~30/4/2025
11/12 (thứ 5)	1/5~15/5/2025	17/12 (thứ 5)	16/5~31/5/2025
15/1 (thứ 5)	1/6~15/6/2025	29/1 (thứ 5)	16/6~30/6/2025
10/2 (thứ 3)	1/7~15/7/2025	26/2 (thứ 5)	16/7~31/7/2025
12/3 (thứ 5)	1/8~15/8/2025	26/3 (thứ 5)	16/8~31/8/2025

Lớp học tròn tuổi otanjou

- Thời gian lễ tân 9:30~9:40 * Không đặt lịch được
- Nội dung: Đo cân nặng chiều cao, nói chuyện về phát triển 1 tuổi, đánh răng. Nói chuyện về ăn dặm và ăn thử, tư vấn cá nhân
- Đồ cần mang theo
- ① Sổ mẹ và bé ② Phiếu hỏi trả lời 1 tờ ③ Khăn tắm loại to ④ Cốc trẻ em ⑤ Bàn chải đánh răng ⑥ Những đồ khác cần cho bé nhà bạn

Ngày	Đối tượng (Tháng năm sinh)	Ngày	Đối tượng (Tháng năm sinh)
27/5 (thứ 3)	Tháng 2~5/2024	26/8 (thứ 3)	Tháng 6~8/2024
20/11 (thứ 5)	Tháng 9~11/2024	19/2 (thứ 5)	Tháng 12/2024~2/2025

Tiêm chủng tại thành phố UEDA

Hãy tiêm vaccin trong thời gian tiêm chủng nếu có thể.
Các loại vaccin và độ tuổi tiêm được chi trả bằng chi phí công có thể thay đổi trong năm tài chính tùy thuộc vào chính sách quốc gia.
Nếu có bất kỳ thay đổi nào, chúng tôi sẽ thông báo cho bạn qua các phương tiện thông tin đại chúng.

Phương pháp và quy trình thực hiện

Hướng dẫn

- Khi đạt tới độ tuổi (số tháng) có thể tiêm vaccin, bạn sẽ nhận được thông báo hướng dẫn từ thành phố về các loại vaccin mà bạn đủ điều kiện tiêm.
- Thông tin hướng dẫn sẽ được gửi qua bưu điện vào khoảng cuối tháng trước khi bạn tới tuổi đủ điều kiện tiêm.
(Ví dụ) Với những trẻ sẽ tròn 2 tháng tuổi vào tháng 4/2025, thư hướng dẫn sẽ được gửi tới vào cuối tháng 3/2025.
(Tài liệu gửi) Thông tin hướng dẫn tiêm chủng, phiếu tiêm chủng, danh sách cơ sở y tế, v.v...

Đặt lịch hẹn

- Phụ huynh hoặc người bảo hộ vui lòng tham khảo danh sách các cơ sở y tế và đặt lịch hẹn.
※ Với các trường hợp về quê để sinh con, có nguyện vọng tiêm ở người tỉnh thì hãy liên hệ với phòng nâng cao sức khỏe.
※ Nếu làm mất phiếu tiêm, hãy liên hệ với trung tâm y tế địa phương hoken center để được cấp phát lại.

Lễ tân

Khám lâm sàng

Tiêm chủng

Về nhà

- Đồ cần mang vào ngày đi tiêm
Số mẹ và bé, phiếu tiêm, giấy tờ cá nhân của người được tiêm, giấy ủy nhiệm (trong trường hợp nếu bố hoặc mẹ hoặc người bảo hộ không thể đi cùng vào ngày tiêm)
- Những điều cần chú ý sau khi tiêm
 - ① Sau khi tiêm chủng, bạn nên theo dõi bé trong vòng 30 phút và luôn trong tình trạng sẵn sàng liên hệ với bác sĩ ngay lập tức. Hầu hết các tác dụng phụ nghiêm trọng, chẳng hạn như sốc phản vệ, thường xảy ra trong thời điểm này.
 - ② Hãy giữ vệ sinh vùng da bị tiêm. Có thể tắm nhưng tránh chà sát vào vị trí tiêm.
 - ③ Tránh hoạt động mạnh vào ngày tiêm.
 - ④ Sau khi tiêm, nếu có bất kỳ phản ứng bất thường nào tại vị trí tiêm, hoặc bất kỳ thay đổi nào về tình trạng thể chất sau khi tiêm thì hãy tham khảo ý kiến bác sĩ ngay.

Ngoài ra, nếu nhận thấy có bất kỳ triệu chứng nào khác làm bạn lo lắng thì hãy đi khám bác sĩ ngay.



Những điều cần chú ý khi tiêm chủng

Những người không thể tiêm

1. Người bị sốt cao (thường là trên 37.5 độ C)
2. Người đang mắc bệnh cấp tính nghiêm trọng
3. Người đã từng bị sốc phản vệ rõ ràng do các thành phần của vaccin
4. Những người bị bác sĩ cho là không phù hợp.

Những người cần tham khảo ý kiến bác sĩ trước khi tiêm

1. Người mắc các bệnh nền như tim mạch, bệnh thận, bệnh gan, bệnh máu hoặc rối loạn phát triển.
2. Người bị sốt trong vòng 2 ngày sau khi tiêm vaccin hoặc có các triệu chứng có thể do dị ứng, chẳng hạn như phát ban toàn thân.
3. Người có tiền sử co giật.
4. Những người đã được chẩn đoán mắc bệnh suy giảm miễn dịch trong quá khứ, hoặc có người thân mắc bệnh suy giảm miễn dịch bẩm sinh.
5. Những người có thể bị dị ứng với các thành phần của dung dịch vaccin.
6. Những người bị dị ứng với mủ cao su khi sử dụng chế phẩm có chứa mủ cao su thiên nhiên khô trong nút cao su của lọ thuốc.

Nếu đã mắc bệnh truyền nhiễm trước khi tiêm

Hãy đợi tới khi tình trạng sức khỏe tổng thể đã ổn định.

Xin lưu ý rằng, do virus, vaccin có thể không có hiệu quả hoàn toàn, vì vậy, vui lòng tiêm theo các khoảng thời gian sau. Tuy nhiên, quyết định có được tiêm hay không sẽ tùy thuộc vào kết luận của bác sĩ.

- Bệnh tay chân miệng, ban đỏ nhiễm trùng, bệnh đậu mùa, cảm lạnh, v.v... 1 đến 2 tuần sau khi hồi phục.
- Bệnh rubella, thủy đậu, quai bị, (có lên hạch dưới tai) v.v... 2 đến 4 tuần sau khi hồi phục.
- Bệnh sởi 4 tuần sau khi hồi phục.

	Dộ tuổi thuộc đối tượng tiêm chủng định kỳ	Thời điểm khuyến khích tiêm chủng (Hiện tại là cuối tháng 1/2025)
Các loại vaccin, độ tuổi tiêm, khoảng cách giữa các lần tiêm và số lần tiêm	t h á n g t h á n g t h á n g t h á n g t h á n g t h á n g t h á n g t h á n g t h á n g 10 t h á n g 11 t h á n g t u o c i t u o c 2 t u o c 3 t u o c 4 t u o c 5 t u o c 6 t u o c 7 8 9 10 11 12 1 2 3 4 5 6 7 8	
【ロタウイルス】 【Rota virus】経口生ワクチンVaccin uống sống	Rotavirus vaccine schedule diagram showing months 1-12.	
Tùy vào loại vaccin mà số lần tiêm chủng khác nhau. Nhưng cả 2 loại đều được bắt đầu tiêm trong khoảng thời gian là từ sau sinh cho tới 14 tuần 6 ngày tuổi. 【ローリックス Rotarix】Từ sau sinh cho tới 24 tuần tuổi, 1 lần cách nhau ít nhất 27 ngày trở lên. 【ローテック Rotatek】Từ sau sinh cho tới 32 tuần tuổi, 3 lần cách nhau ít nhất 27 ngày trở lên.		Hãy thảo luận với cơ sở y tế để lựa chọn loại vaccin nào
【B型肝炎】 Viêm gan B 不活化ワクチン Vaccin bất hoạt	B hepatitis vaccine schedule diagram showing months 1-12.	
Đây là vaccin phòng ngừa viêm gan B.		
Tiêm 3 liều cho trẻ dưới 1 tuổi		
Lần 2 cách lần đầu ít nhất 27 ngày, lần tiếp theo cách lần 1 ít nhất 139 ngày		
【五種混合】5 trong một 不活化ワクチン Vaccin bất hoạt	Pentavalent vaccine schedule diagram showing months 1-12.	
Đây là vaccin phòng ngừa các bệnh nhiễm trùng do bạch hầu, ho gà, uốn ván, vi khuẩn haemophilus influenzae loại b. ※Vaccin này không áp dụng với người đã tiêm vaccin 4 trong 1 hoặc Hib.		
Tiêm 4 mũi đối với trẻ từ 2 tháng tuổi cho tới dưới 7 tuổi 6 tháng.		
【Tiêm lần đầu】 3 mũi cách nhau 20~56 ngày 【Tiêm nhắc lại】 1 mũi sau khi tiêm mũi đầu tiên từ 6 đến 18 tháng.		Những người đã tiêm vaccin 5 trong một hoặc 4 trong một thì sẽ tiêm 1 mũi vaccin 2 trong một khi tới giai đoạn từ 11 tuổi đến dưới 13 tuổi.
【四種混合】 4 trong một 不活化ワクチンVaccin bất hoạt	Quadrivalent vaccine schedule diagram showing months 1-12.	
Đây là vaccin phòng ngừa các bệnh nhiễm trùng do bạch hầu, ho gà, uốn ván. ※Vaccin này không áp dụng với người đã tiêm vaccin 5 trong 1		
Tiêm 4 mũi đối với trẻ từ 2 tháng tuổi cho tới dưới 7 tuổi 6 tháng.		
【Tiêm lần đầu】 3 mũi cách nhau 20~56 ngày 【Tiêm nhắc lại】 1 mũi sau khi tiêm mũi đầu tiên từ 12 đến 18 tháng.		
【インフルエンザ菌b型(ヒブ)】Vi khuẩn influenza loại b (Hib) 不活化ワクチン Vaccin bất hoạt	Hib vaccine schedule diagram showing months 1-12.	
Đây là vaccin phòng ngừa nhiễm khuẩn do vi khuẩn influenza loại b. ※Vaccin này không áp dụng với người đã tiêm vaccin 5 trong 1		
Tiêm 4 mũi đối với trẻ từ 2 tháng tuổi cho tới dưới 5 tuổi.		
【Tiêm lần đầu】 tiêm 3 mũi trước 1 tuổi, cách nhau 27~56 ngày. 【Tiêm nhắc lại】 1 mũi sau khi tiêm mũi đầu tiên từ 7 đến 13 tháng.		Số lượng và khoảng cách tiêm các mũi vaccin Hib và phế cầu khuẩn ở trẻ em thay đổi tùy theo độ tuổi bắt đầu tiêm vaccin. Vui lòng tham khảo trạng sau để biết số lần tiêm và khoảng cách các mũi tiêm.
【小児用肺炎球菌】 phế cầu khuẩn 不活化ワクチン vaccin bất hoạt	Pneumococcus vaccine schedule diagram showing months 1-12.	
Đây là vaccin phòng ngừa bệnh viêm phổi, viêm màng não, ... do vi khuẩn phế cầu khuẩn gây ra.		
Tiêm 4 mũi đối với trẻ từ 2 tháng tuổi cho tới dưới 5 tuổi.		
【Tiêm lần đầu】3 lần trước 2 tuổi, cách nhau ít nhất 27 ngày. ※Nếu mũi thứ 2 tiêm sau khi trẻ đã quá 1 tuổi thì không cần tiêm mũi thứ 3. 【Tiêm nhắc lại】 1 mũi sau khi trẻ qua 1 tuổi, và cách ít nhất 69 ngày sau khi tiêm mũi đầu tiên.		
【BCG】 BCG 生ワクチンVaccin tươi	BCG vaccine schedule diagram showing months 1-12.	
Đây là vaccin phòng ngừa bệnh lao.		
Tiêm 1 mũi cho trẻ dưới 1 tuổi (Tuổi tiêm tiêu chuẩn là từ 5 tháng đến 8 tháng tuổi)		
【麻疹・風しん】 Sởi, rubella 生ワクチンVaccin tươi	Mumps/rubella vaccine schedule diagram showing months 1-12.	
Đây là vaccin phòng ngừa bệnh sởi và rubella		Kỳ 1 Kỳ 2
Kỳ 1: 1 mũi cho trẻ trên 1 tuổi tới dưới 2 tuổi. Kỳ 2: 1 mũi tiêm vào thời điểm 1 năm trước khi vào tiểu học.		
【水痘(みずぼうそう)】 Thủy đậu 生ワクチンVaccin tươi	Varicella vaccine schedule diagram showing months 1-12.	
Đây là vaccin phòng ngừa bệnh thủy đậu		
Tiêm 2 mũi cho trẻ trên 1 tuổi tới dưới 3 tuổi.		
Tiêm 2 lần cách nhau ít nhất 3 tháng (Thường là cách nhau 6 đến 12 tháng)		
【日本脳炎】Viêm não Nhật Bản 不活化ワクチン Vaccin bất hoạt	Japanese encephalitis vaccine schedule diagram showing months 1-12.	
Đây là vaccin phòng ngừa bệnh viêm não Nhật Bản		
Kỳ 1: Tiêm 3 mũi từ 6 tháng tuổi tới dưới 7 tuổi 6 tháng. (Thường bắt đầu tiêm từ khi trẻ được 3 tuổi trở lên)		
【Tiêm lần đầu】 2 mũi cách nhau 6 đến 28 ngày 【Tiêm nhắc lại】 1 mũi cách mũi đầu tiên 6 tháng trở lên (thường là 1 năm)		Kỳ 2: 1 mũi trong khoảng từ 9 tuổi tới dưới 13 tuổi

Cách tiêm vaccin Hib(ヒブ) và phế cầu khuẩn (小児用肺炎球菌)ở trẻ em

ヒブ Hib

① Trẻ từ 2 tháng tuổi tới 7 tháng tuổi bắt đầu tiêm (tổng 4 lần)

【Tiêm lần đầu】 Tiêm 3 lần cách nhau ít nhất 27 ngày trở lên trước khi trẻ tròn 1 tuổi (khoảng cách chuẩn là cách nhau 27 ~ 56 ngày)

【Tiêm bổ sung】 Tiêm 1 mũi cách mũi đầu tiên ít nhất 7 tháng trở lên (khoảng cách chuẩn là cách 7 ~ 13 tháng)

② Trẻ từ 7 tháng tuổi tới dưới 1 tuổi bắt đầu tiêm (tổng 3 lần)

【Tiêm lần đầu】 Tiêm 2 lần cách nhau ít nhất 27 ngày trở lên trước khi trẻ tròn 1 tuổi (khoảng cách chuẩn là cách nhau 27 ~ 56 ngày)

【Tiêm bổ sung】Tiêm 1 mũi cách mũi đầu tiên ít nhất 7 tháng trở lên (khoảng cách chuẩn là cách 7 ~ 13 tháng)

③ Trẻ từ 1 tuổi tới dưới 5 tuổi bắt đầu tiêm (tổng 1 lần)

Tiêm 1 lần

肺炎球菌 Phế cầu khuẩn

① Tiêm cho trẻ từ 2 đến 7 tháng tuổi (tổng 4 mũi)

【Tiêm lần đầu】 Tiêm 3 lần trước 2 tuổi, mỗi lần cách nhau 27 ngày trở lên.

※ Trường hợp tiêm mũi thứ 2 khi trẻ đã quá 1 tuổi thì không tiêm mũi thứ 3 nữa.

【Tiêm nhắc lại】 Sau khi trẻ được 1 tuổi thì tiêm 1 mũi cách mũi đầu tiên 60 ngày trở lên.

② Tiêm cho trẻ từ 7 tháng đến dưới 1 tuổi (tổng 3 mũi)

【Tiêm lần đầu】 Tiêm 2 lần trước 2 tuổi, mỗi lần cách nhau 27 ngày trở lên.

【Tiêm nhắc lại】 Sau khi trẻ được 1 tuổi thì tiêm 1 mũi cách mũi đầu tiên 60 ngày trở lên.

③ Tiêm cho trẻ từ 1 tuổi đến dưới 2 tuổi (tổng 2 mũi)

Tiêm 2 mũi cách nhau 60 ngày trở lên.

④ Tiêm cho trẻ từ 2 tuổi đến dưới 5 tuổi (tổng 1 mũi)

Tiêm 1 mũi

Cách tính khoảng cách ngày tiêm

Khoảng cách trên 6 ngày là...

Ví dụ: Nếu tiêm vào thứ 2

Ngày tiêm là ngày số 0 (thứ 2)	Ngày số 1 (thứ 3)	Ngày số 2 (thứ 4)	Ngày số 3 (thứ 5)	Ngày số 4 (thứ 6)	Ngày số 5 (thứ 7)	Ngày số 6 (chủ nhật)	Ngày số 7 (thứ 2)
--------------------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	----------------------	-------------------

★Tiêm vào thứ hai thì cách 1 tuần là thứ hai của tuần tiếp theo có thể tiêm tiếp

Cách 6 ngày tính từ ngày tiếp theo của ngày tiêm là có thể tiêm mũi tiếp theo.

●Khoảng cách trên 20 ngày là...

Giống như cách tính ở hình bên trái, đếm 20 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tiêm thì có thể tiêm mũi tiếp theo.

(Nếu tiêm vào thứ nào trong tuần thì cũng vào thứ đó của 3 tuần tiếp theo là sẽ tiêm được mũi nữa.)

●Khoảng cách 1 tháng là...

Ví dụ nếu tiêm vào ngày 15 tháng 4, thì cách 1 tháng tức là ngày 15 tháng 5. Nếu tiêm vào ngày 31 tháng 5, vì tháng sáu không có ngày 31 nên khoảng cách 1 tháng sẽ được tính là ngày 1 tháng 7.

※Ngày tiêm tính là ngày số 0, ngày có thể tiêm mũi tiếp theo là ngày thứ trong tuần giống với thứ mà đã tiêm mũi trước.

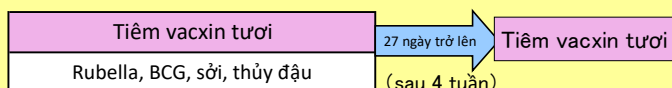
Khoảng cách thời gian tiêm vaccin

Khoảng cách giữa các lần tiêm chủng do các loại vaccin khác nhau đã được xem xét lại và không có bất kỳ hạn chế nào về khoảng cách tiêm ngoài những hạn chế dưới đây

★Nếu đang tiêm cùng một loại vaccin thì hãy giãn cách đủ thời gian giữa các lần tiêm.

Ví dụ: Viêm não Nhật Bản

① Trên 6 ngày (3 tuổi) ② Trên 6 tháng (Dưới 7 tuổi 6 tháng) ③ Tiêm nhắc lại



● Về việc tiêm đồng thời các loại vaccin ●
Nếu bác sĩ xác nhận là cần thiết thì có thể tiêm đồng thời nhiều loại vaccin cùng lúc.